

Số: 11 /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2023

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị**

*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương, cấp giấy phép kết nối, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối**

1. Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

2. Cục Đường sắt Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đường sắt theo quy định tại Thông tư này, gồm: Cấp giấy phép kết nối; gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối; thu hồi, hủy giấy phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đường sắt đô thị chấp thuận chủ trương kết

nối; cấp giấy phép kết nối; gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối; thu hồi, hủy giấy phép kết nối đối với:

a) Các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Các tuyến đường sắt đô thị với tuyến đường sắt đô thị đi qua địa giới hành chính hai tỉnh trở lên trong trường hợp vị trí kết nối trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 9 như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối của chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng) các tài liệu sau:

Quyết định đầu tư dự án có các tuyến đường sắt đề xuất kết nối;

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình tại điểm đ khoản 1 Điều 8 của Thông tư này kèm theo Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật;

Phương án tổ chức thi công kết nối các công trình tại điểm đ khoản 1 Điều 8 của Thông tư này và biện pháp bảo đảm an toàn thi công;

Phương án tổ chức chạy tàu trên tuyến đường sắt đã được kết nối và giải pháp bảo đảm an toàn giao thông sau khi kết nối.

2. Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép kết nối lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung hồ sơ và trả kết quả trong ngày làm việc;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường mạng, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ;

c) Trường hợp thực hiện trên môi trường mạng, tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép kết nối lập hồ sơ đề nghị gồm tệp tin chứa bản chụp chính hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này và thực hiện trên địa chỉ website: <https://dichvucong.mt.gov.vn>.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 10 như sau:

“3. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối:

a) Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian thi công kết nối gồm: Đơn đề nghị gia hạn của chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này; bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng) các tài liệu: Văn bản pháp lý chứng minh lý do đề nghị kéo dài thời gian thi công kết nối theo giấy phép được cấp và tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian khai thác, sử dụng kết nối gồm: Đơn đề nghị gia hạn của chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này; bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng) tài liệu: Văn bản pháp lý chứng minh lý do đề nghị kéo dài thời gian khai thác, sử dụng kết nối theo giấy phép được cấp;

c) Hồ sơ đề nghị bãi bỏ kết nối gồm: Đơn đề nghị bãi bỏ kết nối của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này; bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng) tài liệu: Phương án tổ chức thi công khi bãi bỏ kết nối.

#### 4. Trình tự thực hiện

Tổ chức, cá nhân, chủ sở hữu công trình đã được cấp giấy phép kết nối có nhu cầu gia hạn giấy phép, bãi bỏ kết nối quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép kết nối hoặc đề nghị bãi bỏ kết nối, nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung hồ sơ và trả kết quả trong ngày làm việc;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường mạng, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ;

c) Trường hợp thực hiện trên môi trường mạng, tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép kết nối lập hồ sơ đề nghị gồm tệp tin chứa bản chụp chính hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 10 của Thông tư này và thực hiện trên địa chỉ website: <https://dichvucong.mt.gov.vn>.

5. Thời hạn giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền gia hạn kết nối. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản nêu rõ lý do.

a) Quyết định gia hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này;

Mỗi giấy phép chỉ được gia hạn một lần;

Thời gian gia hạn thi công kết nối không quá 12 tháng, đồng thời không vượt quá thời gian thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Thời gian gia hạn khai thác, sử dụng kết nối không quá 12 tháng, đồng thời không nhiều hơn thời gian được phép khai thác, sử dụng kết nối quy định trong giấy phép được cấp;

b) Quyết định bãi bỏ kết nối theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này.”.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để kịp thời nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

### **Nơi nhận:**

- Như khoản 2 Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHTGT (6).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Danh Huy**